



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# \_\_\_\_\_

WEWL# \_\_\_\_\_

I-171 \_\_\_\_\_ Y \_\_\_\_\_ NO

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

EXIT VISA # \_\_\_\_\_

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE TAN NGHIA  
Last Middle First

Current Address: 15 Luong ngoc Quyen. P5. Saigon. Ho Chi Minh City

Date of Birth: 02-24-1949 Place of Birth: Gia Dinh

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-26-75 To 05-06-1981  
Years: 05 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

\_\_\_\_\_  
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| <u>Pham Thanh Xe</u>                        | _____               |
| <u>PO Box 223. Scottsdale GA 30079</u>      | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

DATE : Aug 2, 1988

A. Basic identification data :

Name : LE TAN NGHIA

Other name : Tan

Date/Place of birth : 24-02-1949 Binh Hoa Gia Dinh

Resident address : 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Quan Go Vap

Mailing address : 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Quan Go Vap

Current occupation : Welder and water pipe



B. Relatives to accompany me :

| <u>Name</u>   | <u>Date of birth</u> | <u>Place of birth</u> | <u>Sex</u> | <u>ME</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------|----------------------|-----------------------|------------|-----------|---------------------|
| - Ma Ngoc Le  | 12-05-1954           | Soc Trang             | F          | M         | Wife                |
| - Le Tan Hung | 25-02-1987           | Saigon                | M          | S         | Son                 |

C. Relatives outside Vietnam :

1) Closest relative in the US.

a) Name : Pham Thanh Xe

b) Relationship : Brother in law

c) Address : P.O. Box 223 Scottdale GA. 30079 USA.

Name : Nham Van Qui

Relationship : Cousin

Address : P.O. Box 980 Bacliff T.X. 77518 USA.

D. Complete family listing :

| <u>Name</u>                     | <u>Address</u>                      |
|---------------------------------|-------------------------------------|
| Father : Le Van Long (Dead)     |                                     |
| Mother : Dang Thi Le (Living)   | 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Go Vap |
| Child : Le Tan Hung (Living)    | 658 Pham Van Chi Quan 6             |
| Siblings : Le Minh Tam (Living) | 19/51 Lam son Phu Nhuan             |
| Le Minh Ly (Dead)               |                                     |
| Le Tan Thanh (Dead)             |                                     |
| Le Huu Phuoc (Living)           | 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Go Vap |
| Le Huu Duc (Living)             | 111 Nguyen Van Troi Phu Nhuan       |
| Le Ngoc No (Living)             | 2/23 Le Lai Phuong 3 Go Vap         |
| Le Hoang Tri (Living)           | 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Go Vap |
| Le Hoang Hue (Living)           | 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Go Vap |
| Le Quang Thong (Living)         | 15 Luong Ngoc Quyen Phuong 5 Go Vap |

E. Employment by US. government agencies or other US organisation of you or your spouse :

No

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse :

1) Name of person serving : Le Tan Nghia

2) Date From : To :

|            |            |                                |
|------------|------------|--------------------------------|
| 23-12-1969 | 01-02-1975 | Battalion 543 Kien Phong HK 44 |
| 01-02-1975 | 30-04-1975 | Army School at Long Thanh      |

...2/...

- 3) Last rank : Lieutenant SQ : 69/149.564 KBC - 4100
- 4) Ministry/Office/Military Unit : Army school at Long Thanh
- 5) Name of supervisor/C.O. : Major General Nguyen Vinh Nghi
- 6) Reason for living : Refugee
- 7) Name of American advisor : Do not remember
- 8) U.S. Training courses in Vietnam : No
- 9) US. Awards or certificates : No

G. Training outside Vietnam of you or your spouse : No

H. Re-education of you or your spouse :

- 1) Name of person in re-education : IE TAN NGHIA
- 2) Total time in re-education : 5 years 10 months 10 days
- 3) Still in re-education : No

I. Any additional remarks :

MA NGOC IE (Wife) and IE TAN HUNG (son) residing at 658 Pham Van Chi Quan 6 HCM City

J. Please list here all documents attached to this questionnaire :

- 1 copy Marriage certificate
- 3 Birth certificates of 3 persons
- 3 photos
- 1 copy Lieutenant certificate
- 1 copy Re-education certificate No. 1073/GRT 06-05-1981 at Tan Hiep Bien Hoa

Signature :

Date : Aug 02, 1988

30 TQI VU  
THI. TÂN. HIỆP...  
Số: 1073/BKT

30 TQI HỒI VÀ HỒI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001-41  
Ban hành theo  
Công văn số  
2565 ngày 21/  
tháng 12 năm 1972.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

SHSLD.

gS GIẤY RA T. B. I.

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ công an.  
Thi hành án văn, quyết định tha số 32 Ngày 25 tháng 4  
năm 1981 qua BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: Lê Tân Nghĩa

Họ và tên thường gọi:

Họ và tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1949

Nơi sinh: Gia Định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

15 Lương Ngọc Quyến phường 5 quận Gò Vấp Gia Định

Cán bộ: Trung úy trung đội trưởng

Bị bắt ngày: 26-6-75 An phát:

Theo quyết định án văn số: ngày tháng năm

của:

Đã bị bắt: lần, công thành năm tháng.

Đã được giảm án: lần, công thành năm tháng.

Nay về cư trú tại: 15 Lương Ngọc Quyến Phường 5 quận Gò Vấp

TP. HỒ CHÍ MINH

NIÊN XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO

(quản chế 12 tháng)

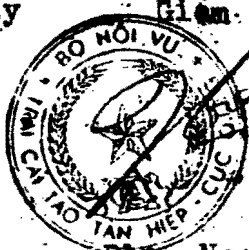
|                                    |
|------------------------------------|
| THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH              |
| BAN QUẢN LÝ NGƯỜI HẾT ĐƯỢC VỀ      |
| ĐÃ TRÌNH DIỄN: ngày tháng năm 1981 |
| Quản chế: 12 tháng                 |
| ngày cấp: 12 tháng                 |

Lăn tay ngón trỏ phải của Lê Tân Nghĩa người được cấp giấy 11/ ngày 6 tháng 5 năm 1981

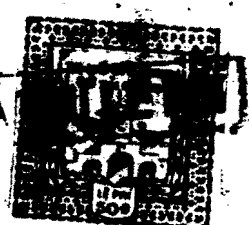
Danh bản số: 008882

lập tại: Tân Hiệp

Số 807 LÊ TÂN NGHĨA  
Chứng nhận GIỒNG BAN CÔNG ANH  
Xuất trình tại Phường 5.



Phạm Ngọc Dương



Chị em g.5 Cờ vấp  
Hàng xóm anh Lê Tân Nghĩa  
Cố nhớ tình duyên ở địa phương  
g.5 ngày 08/05/81  
ở địa phương

Hồ Văn Tuấn

Xưa thâu

Hành Lễ Tân Nghĩa học tập từ ngày 6/5/81  
đến đến tại ban quản lý Quận Thủ Đức  
g.5 ngày 8/5/81

Đã được chấp thuận và cho phép  
thực hiện theo đúng quy định

6.K/3

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA ĐỊNH

Xã

BÌNH HÒA

# BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1949

Số hiệu: 309

## HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

|                            |                          |
|----------------------------|--------------------------|
| Tên, họ ấu nhi             | LE - TÂN - NGUYỄN        |
| Phái                       | Masculin                 |
| Sanh<br>(ngày, tháng, năm) | Le 24 Février 1949       |
| Tại                        | Maternité Ng-Thị-Hải C.D |
| Cha<br>(Tên, họ)           | LÊ-VĂN-Long              |
| Nghề                       | Dessinateur              |
| Cư-trú tại                 | H.C N° 20 Bình-Hoa-Lũ    |
| Mẹ<br>(Tên, họ)            | Bình-Thị-Lệ              |
| Nghề                       | Mécanique                |
| Cư-trú tại                 | H.C N° 20 Bình-Hoa-Lũ    |
| Vợ<br>(Chánh hay thứ)      | Premier rang             |

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ - Tịch  
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã

Bình-Hoa  
ngày 23 tháng 6 năm 1967



TRẦN-VĂN-THÀNH  
HỮU-TA

Trích y bản chính

Bình-Hoa ngày 23 tháng 6 năm 1967  
Chủ-Tịch K/ Ủy-viên Hộ-tịch



VŨ-THÀNH-HÀ



# TRÍCH LỤC KHAI SINH

Năm: 1954

Số liệu 657

|                              |                                     |
|------------------------------|-------------------------------------|
| Họ và tên                    | Mã Ngọc Lệ                          |
| Nam hay nữ                   | Nữ                                  |
| Ngày, tháng, năm sinh        | Ngày 12 tháng 6 năm 1954            |
| Nơi sinh                     | Khánh hưng                          |
| Họ, tên cha                  | Mã Ngọc Cầm                         |
| Nghề nghiệp                  | ////////                            |
| Nơi thường trú               | Khánh hưng                          |
| Họ, tên mẹ                   | Phan Thị Năm                        |
| Nghề nghiệp                  | //////////                          |
| Nơi thường trú               | Khánh hưng                          |
| Nơi, ngày tháng, năm đăng ký | Khánh hưng ngày 18 tháng 6 năm 1954 |

## TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Hậu Giang, ngày 02 tháng 01 năm 1990

TM/ U.B.N.D. TỈNH HẬU GIANG

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



*Nguyễn Thị Cường*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, phường.....8  
Huyện, Quận.....6  
Tỉnh, Thành phố.....HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3  
Số.....49  
Quyển số.....1/87



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ TẤN HÙNG Nam hay nữ Nam  
Ngày, tháng, năm sinh Ngày hai ba tháng hai năm một chín tám bảy  
( 23-02-1987 )

Nơi sinh Bệnh viện Hùng Vương  
Dân tộc Kinh Quốc tịch Viet Nam

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                | Người cha                  |
|----------------------|-------------------------|----------------------------|
| Họ và tên            | <u>Mã Ngọc Lệ</u>       | <u>Lê tấn Hùng Nghĩa</u>   |
| Tuổi                 | <u>1954</u>             | <u>1949</u>                |
| Dân tộc              | <u>Kinh</u>             | <u>Kinh</u>                |
| Quốc tịch            | <u>Viet Nam</u>         |                            |
| Nghề nghiệp          | <u>Công nhân viên</u>   | <u>Công nhân viên</u>      |
| Nơi thường trú       | <u>658 Phạm Văn Chí</u> | <u>15 Lương Ngọc Quyền</u> |
|                      | <u>Phường 8 Quận 6</u>  | <u>P5 Quận Gò Vấp</u>      |

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai  
Lê tấn Nghĩa 1949

Người đứng khai  
Đã ký

Đăng ký ngày 11 tháng 3 năm 1987  
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P8 Q6  
CT đã ký  
Trần thanh Hương

Số : 76 / SY-UB

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày 6 tháng 11 năm 1989  
T/M UBND P8Q6

ký tên, đóng dấu



Nguyễn Thị Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, phường  
Huyện, Quận Sáu  
Tỉnh, TP Hồ-Chí-Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc-Lập Tự-do Hạnh-phúc  
-----ccccc-----

Mẫu số HT12/P3  
QĐ số  
ngày  
Số : 78  
Quyển số 01/83

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

✓

| CHỒNG                                    |                                        | VỢ                                |
|------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|
| - Họ và Tên                              | LÊ - TẤN - NGHĨA                       | MÃ - NGỌC - LỆ                    |
| - Bí danh                                |                                        |                                   |
| - Sinh, ngày, tháng                      | Ngày 24 tháng 02                       | Ngày 12 tháng 6                   |
| - Năm hay tuổi                           | 1949                                   | 1954                              |
| - Dân tộc                                | Kinh                                   | Kinh                              |
| - Quốc tịch                              | Việt-Nam                               | Việt-Nam                          |
| - Nghề nghiệp                            | Công nhân                              | Nhân viên                         |
| - Nơi đăng ký<br>nhân khẩu<br>thường trú | 15 Lương-ngọc-Quyển<br>F.5 Quận Gò-vấp | 658 Phạm-văn-Chí<br>F20 Quận Sáu. |
| - Số giấy chứng minh<br>nhân dân         |                                        | 020153360                         |
| - Hoặc hệ chiếu                          |                                        |                                   |

Đang ký, ngày 14 tháng 01 năm 1983.  
Người chồng ký. (đã ký) Lê-tấn-Nghĩa  
Người vợ ký. (đã ký) Mã-ngọc-Lệ  
Ủy viên thư ký (đã ký và đóng dấu) Trương-như-Quang

SAC Y BẢN CHÍNH, ngày tháng năm 1983.  
Số: 117 TM. UBND

Chức vụ, họ tên, số và chức vụ

Nơi

ngày tháng năm

UBND Phường

P. Chi



# THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 686093 CN

Họ và tên chủ hộ: Trần Ngọc Lê

Ấp, ngõ, số nhà: 658

Thị trấn, đường phố: Phạm Văn Chí

Xã, phường: Đàm

Huyện, quận: Sài

Số 170/UB

Ngày 13 tháng 03 năm 1987

Trưởng công an: Quinn 6

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 03 năm 1987

Trưởng công an: Quinn 6

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



ĐCT

Trần Chính Đức

Quinn 6

Thiếu tá NGUYỄN VĂN NGAI

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘNH

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 173513... CN

Họ và tên chủ hộ: ...

Ap, ngõ, số nhà: ...

Thị trấn, đường phố: ...

Xã, phường: ...

Huyện, quận: ...

Ngày: 10 tháng 03 năm 1976

Trưởng công an: ...

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Lưu Uý, Đặng Công Hải

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRỤ TRONG HỘ

| Số<br>thứ<br>tự | MAI TỈNH AITHON<br>HỌ VÀ TÊN | Quan hệ<br>với chủ hộ | Nam,<br>hay nữ | Ngày tháng<br>năm sinh | Số giấy<br>CMND | Nghề nghiệp và<br>nơi làm việc | Ngày tháng năm<br>dăng ký nhân<br>khẩu thường trú | Ngày tháng năm và<br>nơi chuyển đi | Tên cán bộ<br>ĐK NK |
|-----------------|------------------------------|-----------------------|----------------|------------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 1               | 2                            | 3                     | 4              | 5                      | 6               | 7                              | 8                                                 | 9                                  | 10                  |
| 01              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      |                                | 1. 10. 1970                                       | Chết 12. 3. 84                     |                     |
| 02              | DI ANH LÊ                    | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 03              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 04              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 05              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 06              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 07              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 08              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 09              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 10              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 11              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 12              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 13              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 14              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 15              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 16              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 17              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 18              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 19              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 20              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 21              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 22              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 23              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 24              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 25              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 26              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 27              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 28              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 29              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 30              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 31              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 32              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 33              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 34              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 35              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 36              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 37              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 38              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 39              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 40              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 41              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 42              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 43              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 44              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 45              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 46              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 47              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 48              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 49              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |
| 50              | Lê Văn Sơn                   | Thợ hồ                | Nam            | 1920                   | 09.07.1940      | Bùn đất                        | 1. 10. 1970                                       |                                    |                     |

Sở, Ty  
Công An  
559 126

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY BIÊN NHẬN**

Số 02247/126

Họ tên

Kê Văn Nghĩa

Tên thường gọi

Thầy

Nơi thường trú

15 Lương Ngọc Quyến

55 Ông Văn

Đ.L. 550 Ông Nghĩa

Số: 322/84

Chúng nhận GIỒNG Y BẢN CHÁNH  
Xuất trình tại UBND. Phường 5.

Ngày 23 tháng 02 năm 1990

TM. UBND. Phường 5



Lê Văn Nghĩa

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân  
tại: .....

Hẹn đến ngày ..... 19 .. trở giấy CMND



Ngày ..... 19 ..

(Ghi rõ họ, tên người ký)

*[Handwritten signature]*

Sở, Ty  
Công An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 02247/126

Kê Côn Nghĩa

Họ tên

Tên thường gọi

Nơi thường trú

15 Lương Ngọc Quyến  
Đ. Trần Văn A L. Hồ Văn Hùng

Số: 322/84

Chứng nhận GIỒNG Y BẢN CHÁNH  
Xuất trình tại UBND. Phường 5.

Ngày 23 tháng 02 năm 1970

T. UBND. Phường 5.

T. CHỦ TỊCH.

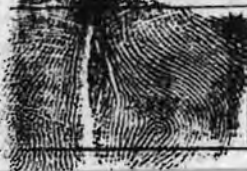


Trần Văn Hùng

Dấu vết riêng hoặc di hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân  
tại: .....

Hẹn đến ngày ..... / ..... 19 .. trở giấy CMND



Ngày ..... 19 ..

(Chỉ rõ họ, tên người ký)

*[Handwritten signature]*

Kính gửi,

Thưa BS VEM.

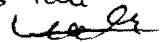
Ngày 02/3/1990

Bà Chue Ninh - Hồ

Kính thưa Bà

Được biết địa chủ của Bà. Tôi và gia đình  
trước giờ luôn luôn nhớ ơn Bà và quý quyền. Trước  
mình Choe.

Qua sự Thỏa Thuận của Việt Nam và Mỹ.  
cải việc cho phép những Sĩ Quan chế độ cũ được tha  
tù về hai cái Tào để tái sinh ở tại Mỹ. Theo  
chương trình HO. Tôi xin gửi Hồ Sơ của gia đình  
tôi đến Bà để xin Bà can thiệp với chính phủ Mỹ.  
xin Thưa thật cảm ơn Bà

Trân trọng  


FROM: LÊ-TÂN-NGHĨA  
Số' 15 LƯƠNG-NGỌC-QUYÊN  
PHƯỜNG 5 QUẬN GÒ VẤP  
TP. HỒ CHÍ-MINH  
VIỆT NAM

MAR 21 1990

Kính gửi:

BÀ : KHUẾ-MINH-THỎ

P.O - BOX 5435 , ARLINGTON

VA - 22.205 - 0635

USA

PARAVION



PARAVION



VIETNAM  
3951

509  
139504

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Anh-Dũng



Bội-Tinh

Euyên-Dương Công-Trang  
trước Quân Đoàn

Lễ Căn Nghị Chuẩn Uý Sĩ Quân 69/149.964.ĐĐ 898.

Về lòng dũng-cảm mà đương-sự đã  
biểu-lộ trước hỏa-lực của đối-phương

Kiểm-nhận dưới số: 422

Chiến Sĩ Nguyễn Bội Tinh  
Trưởng Phòng Công Đoàn

Tuyên-dương công-trạng này có kèm

« Anh-Dũng Bội-Tinh » với  
Ngôi Sao Đồng.

KBC 4222 Ngày 20 tháng 4 năm 1972

Đại Tá Trần Chánh Nhiên  
Tram Khu Giảng Viên Khu Kỹ Thuật

Công-Lệnh

số 17/KCP/C/ADBT

ngày 20-11-1971

# CONTROL

\_\_\_\_ Card  
\_\_\_\_ Doc. Request; Form  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ GPP/Date  
\_\_\_\_ Membership; Letter

6/23  
1/18/90